

SACHHOC.COM

65 ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1, MÔN TOÁN LỚP 1



SACHHOC.COM

TUYỂN TẬP 65 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - môn Toán lớp 1 là tài liệu hữu ích dành cho các thầy cô giáo tham khảo ra đề thi giữa kỳ I và ôn luyện toán cho học sinh lớp 1, đồng thời các bậc phụ huynh tham khảo cho con em ôn tập và rèn luyện kiến thức môn Toán lớp 1. Mời các bạn tham khảo.

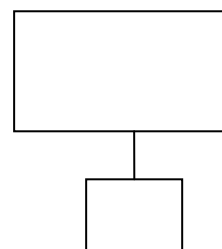
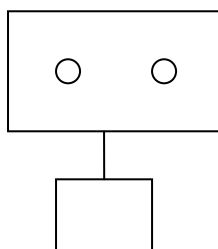
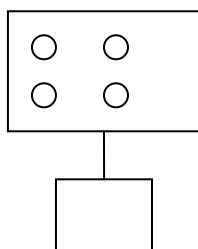
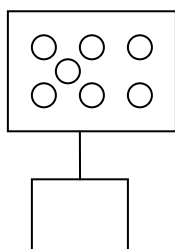
ĐỀ 1

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian: 40 phút

Câu 1: Số?



Câu 2: Số?

1				
---	--	--	--	--

0	2			
---	---	--	--	--

10	8							
----	---	--	--	--	--	--	--	--

Câu 3:

>
<
=

? 3 4 ; 8 ; 5 0 ; 9
 3 + 2 5 ; 7 + 2 ;

Câu 4: Tính

4	3	5	2	2
+	+	+	+	+
1	2	0	2	3
.....				

Câu 5: Tính

$3 + 2 =$

$5 + 0 =$

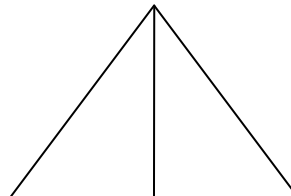
$2 + 2 + 1 =$

$4 + 1 =$

$2 + 2$

$3 + 2 + 0 =$

Câu 6: Hình dưới có...hình tam giác.



ĐỀ 2

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Câu 1:

a. Viết các số từ 0 đến 10:.....

b. Viết theo mẫu:

2: **hai**

3:.....

7:.....

Câu 2: Điền dấu thích hợp vào ô trống

$<$ $>$ $=$	$\square$	1	$\square$	3	4	$\square$	3	$\square$	1
	?	8	$\square$	10	7	$\square$	4 + 1	$\square$	4

Câu 3: Tính

a. $1 + 1 =$

$2 + 0 =$

$3 + 2 =$

$1 + 2 =$

b.
$$\begin{array}{r} 4 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ +0 \\ \hline \end{array}$$

.....

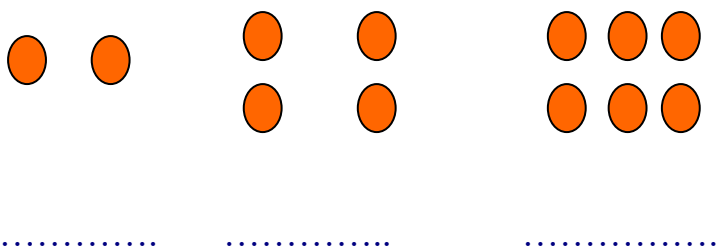
$$\begin{array}{r} 2 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

.....

c. $2 + 1 + 1 =$

$3 + 0 + 2 =$

Câu 4: Số?



Câu 5: Khoanh vào số lớn nhất

- a. 2 5 7 9
- b. 4 1 6 8

ĐỀ 3

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1:

a) Viết số

0		2		4	5		7	8		10
---	--	---	--	---	---	--	---	---	--	----

b) Đọc số theo mẫu : 3: **ba** ; 7:..... ; 10:.....

Bài 2:

- a) Tính: $2 + 1 = \dots$ $2 + 3 = \dots$ $2 + 2 = \dots$
 $1 + 2 = \dots$ $5 + 0 = \dots$ $3 + 0 = \dots$

b) Tính:

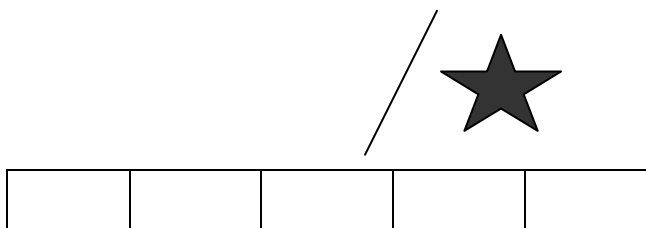
$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ 2 + \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 0 \\ 4 + \\ \hline \end{array}$
.....			

Bài 3: Điền ($>$, $<$, $=$) ?

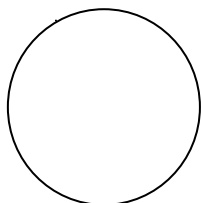
$>$	$4 \dots 5$	$2 + 2 \dots 4$
$<$		
$=$	$3 \dots 2$	$3 + 2 \dots 3$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp.

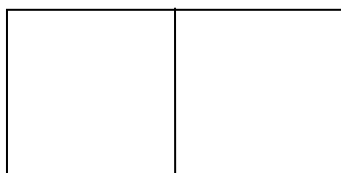




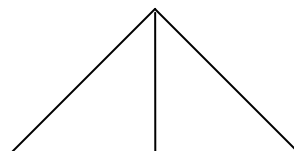
Bài 5: Viết số: ?



Có hình tròn ;



có hình vuông ;



có hình tam giác;

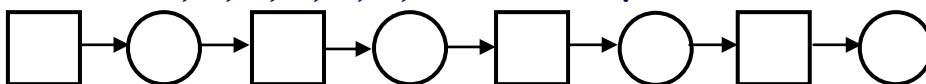
ĐỀ 4

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

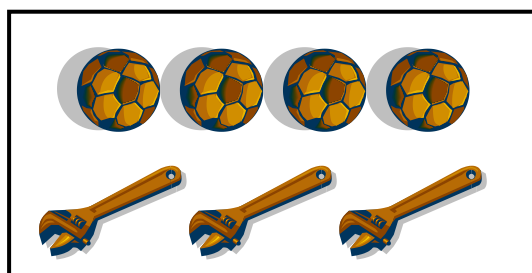
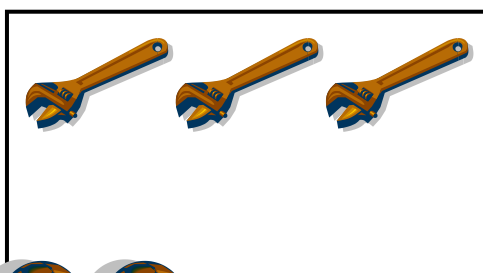
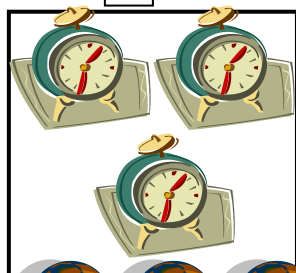
Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1. Viết các số 7; 2; 5; 8; 3; 6; 9 theo thứ tự bé dần:



Bài 2 số ?



.....
Bài 3 . Viết các số 7, 1, 5, 9, 3 theo thứ tự từ lớn dần



Bài 4. Tính:

$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$
.....			

Bài 5.

$>$
 $<$
 $=$

?

3.....2

6.....6

4.....5

10....7

1 + 2.....3

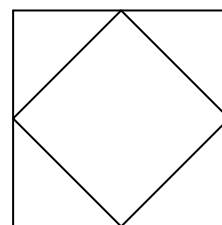
4.....1 + 2

Bài 6.

Hình bên có:

Có.....hình tam giác

Có.....hình vuông



ĐỀ 5

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

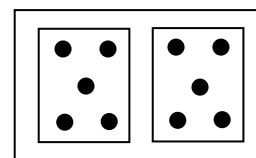
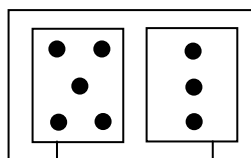
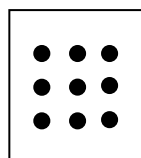
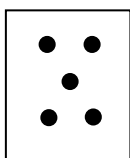
Thời gian : 40 phút

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

0			3			6		8		
---	--	--	---	--	--	---	--	---	--	--

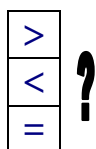
	9				5				2	
--	---	--	--	--	---	--	--	--	---	--

Bài 2: Số?



5

Bài 3:



$$\begin{array}{r} 10 \square 4 \\ 3 \square 5 \\ 1 \square 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \square 9 \\ 5 \square 1 \\ 8 \square 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \square 10 \\ 7 \square 2 \\ 2 + 2 \square 1 + 4 \end{array}$$

Bài 4: $\square$?

$$2 + 2 = \square$$

$$3 + 2 = \square$$

$$2 = \square + 1$$

$$4 - 2 = \square$$

$$\square + 2 = 5$$

$$3 = 2 + \square$$

Bài 5: Tính:

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 3 \\ \text{.....} \end{array}$$

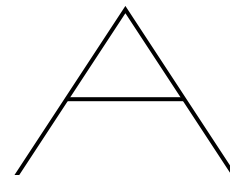
$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 0 \\ \text{.....} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 1 \\ \text{.....} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 2 \\ \text{.....} \end{array}$$

Bài 6: Hình vẽ bên có mấy hình tam giác ?

Có hình tam giác.



ĐỀ 6

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Tính

$$\begin{array}{l} 2 + 1 = \\ 3 + 0 = \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 3 + 2 = \\ 0 + 4 = \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 2 + 2 = \\ 1 + 1 = \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 1 + 3 = \\ 5 + 0 = \end{array}$$

Bài 2: Tính

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ + \\ \hline 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 2 \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3:

>
<
=

?

$$0 + 4 \dots 4 + 1$$

$$0 + 5 \dots 3 + 1$$

$$1 + 2 \dots 2 + 1$$

$$3 + 2 \dots 1 + 3$$

Bài 4: Số?

$$1 + 3 = \dots$$

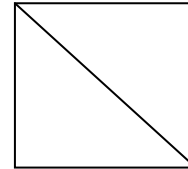
$$\dots + 4 = 5$$

$$2 + \dots = 4$$

$$3 + \dots = 3$$

Bài 5: Trong hình bên:

- a) Có hình tam giác?
- b) Có hình vuông?



ĐỀ 7

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

A. Phần trắc nghiệm:

Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- 1: Số lớn nhất trong các số 5, 2, 8 là số :
- A. 5 B. 2 C. 8

2: Kết quả của phép tính $3 + 1$ là:

- A. 4 B. 3 C. 2

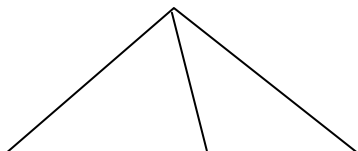
3: $\square + 2 = 4$. Số cần điền vào ô trống là :

- A. 2 B. 1 C. 5

4: $6 < \dots < 8$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là :

- A. 7 B. 5 C. 9

5 Có mấy hình tam giác ?



- A. 1 B. 2 C. 3

B . phÇn thùc hụnh:

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 2 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

2

<
>
=

?

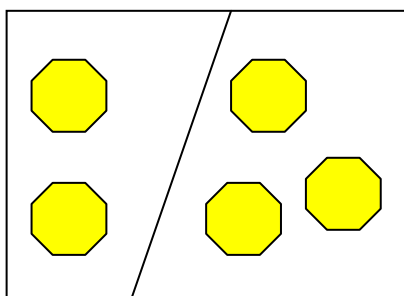
$2 \dots 3$

$4 + 1 \dots 4$

$2 + 0 \dots 2$

$2 \dots 1 + 3$

3 : Viết phép tính thích hợp :



--	--	--	--	--

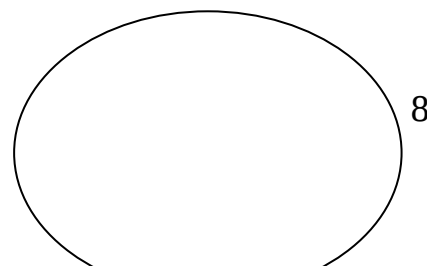
ĐỀ 8

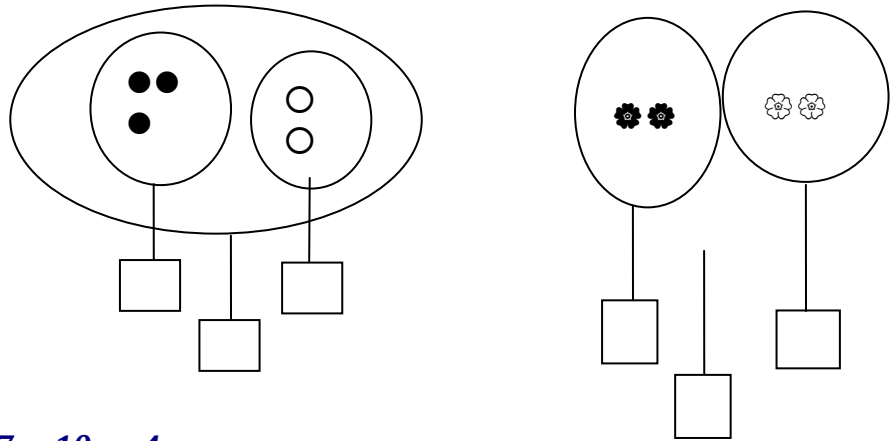
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?





Bài 2: *Viết các số 0 ; 7 ; 10 ; 4.*

a) Theo thứ tự từ **bé** đến **lớn**:.....

b) Theo thứ tự từ **lớn** đến **bé**:.....

Bài 3: *Tính:*

a)

$$1 + 3 = \dots\dots$$

$$3 + 1 = \dots\dots$$

$$3 + 2 = \dots\dots$$

$$1 + 1 + 1 = \dots\dots$$

$$2 + 1 + 1 = \dots\dots$$

$$1 + 0 + 2 = \dots\dots$$

b)

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 2 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 0 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

Bài 4:

$\begin{array}{l} > \\ < \\ = \end{array}$	?	2		4

$$2 + 1 \quad \square \quad 1 + 2$$

$$2 + 2 \quad \square \quad 3$$

$$3 + 2 \quad \square \quad 5$$

Bài 5: *Số?*

$$\boxed{1} \xrightarrow{+1} \boxed{} \xrightarrow{+2} \boxed{}$$

$$\boxed{} \xrightarrow{+2} \boxed{3} \xrightarrow{+1} \boxed{}$$

ĐỀ 9

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Câu 1: Số ?

a)

1	2		4						10
---	---	--	---	--	--	--	--	--	----

b)

10			7			4			1
----	--	--	---	--	--	---	--	--	---

Câu 2:

>
<
=

?

1

 $2 + 1$

5

 $2 + 2$

2

 $2 + 1$

4

 $3 + 1$

3

 $1 + 1$

5

 $4 + 1$

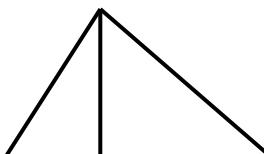
Câu 3: Tính:

a) $1 + 2 =$
 $2 + 3 =$
 $4 + 1 =$

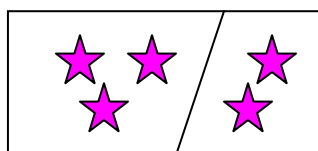
b) $0 + 2 =$
 $1 + 2 =$
 $3 + 1 =$

Câu 4:

Hình bên có hình tam giác?



Câu 5:Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

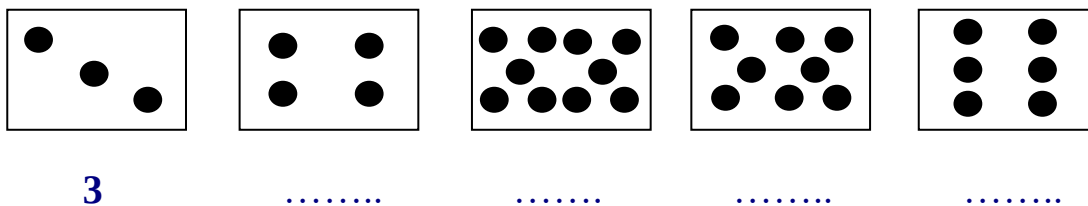
ĐỀ 10

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?



Bài 2: Tính:

a) 2 3 2 3
 +1 +2 +2 +1

b) 1 + 2 + 1 = 3 + 0 – 1 =

Bài 3: Số?

1 + = 4 3 - = 1 + 4 = 5

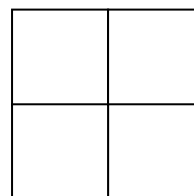
Bài 4: > < = ?

a) 0.....1 7.....7 8.....5 3... ..9

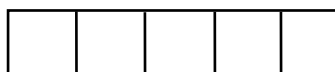
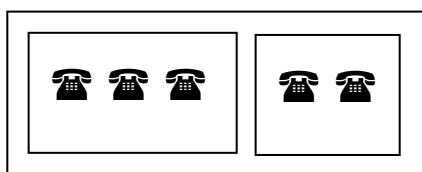
b) 2 0 + 4 2 + 2 3 3 - 1 1 + 1

Bài 5: Hình bên :

Có hình vuông.



Bài 6: Viết phép tính thích hợp:



ĐỀ 11

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1/ Viết

a/ Khoanh tròn vào số lớn nhất: 1; 2 ; 5 ; 10; 8 ; 9 ; 4 ; 3 ; 6 ; 7.

b/ Khoanh tròn vào số bé nhất: 5; 6 ; 3 ; 4 ; 1; 8 ; 9 ; 2 ; 7; 10.

2/ Tính:

a)	1	5	3	4
	+	+	+	+
	3	0	2	1
				

b) $2 + 2 =$

$4 + 0 + 1 =$

$3 + 1 + 1 =$

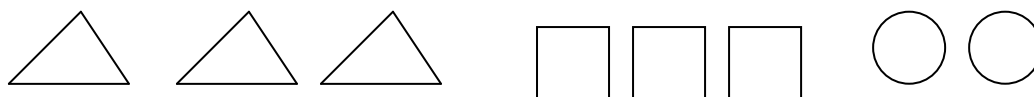
$3 + 0 + 2 =$

3. Viết các số 5; 8; 2; 3 ; 1.

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

4. Hình?



Có hình tam giác

Có hình vuông

Có hình tròn

5.

>
<
=

?

$1 + 2 \square 5$

$2 + 3 \square 3$

$4 + 1 \square 4$

$2 + 1 \square 3$

6. Viết phép tính thích hợp

- a.) có : 3 con gà
 Mua thêm : 2 con gà
 Tất cả có :con gà?

--	--	--	--	--

ĐỀ 12

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I Môn: Toán – Lớp 1 Thời gian : 40 phút

Bài 1:

a) Số ?

0	1		3		5			8	9	
---	---	--	---	--	---	--	--	---	---	--

Bài 2: .

a) Tính: $1 + 2 =$ $3 = 2 + \dots$
 $2 + 0 =$ $2 = 0 + \dots$

b) Tính:
$$\begin{array}{r} + \quad 5 \\ 0 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 2 \\ 1 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 0 \\ 2 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 1 \\ 3 \\ \hline \dots \end{array}$$

Bài 3:

$>$
 $<$
 $=$

?

3.....5

2 + 1...5

5.....4

2 + 2....4

Bài 4: Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

Bài 5: Hình vẽ bên có...hình vuông:

--	--



Bài 6:

a. Khoanh vào số lớn nhất: 8 ; 2 ; 7 ; 9.

b. Khoanh vào số bé nhất: 10 ; 3 ; 8 ; 4.

ĐỀ 13

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1/ Viết số

a/ Viết các số từ 5 đến 9

--	--	--	--	--

b/ Viết số (theo mẫu):

**

**
**

**

2

.....

2/ Khoanh vào số lớn nhất (theo mẫu):

a/ 7, 5, 6, 9

b/ 8, 10, 9

c/ 6, 2, 5

3/ Tính:

$\begin{array}{r} 2 \\ +1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ +2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ +3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ +1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ +3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ +0 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--	--

.....

4/ Tính:

$1 + 2 = \dots\dots\dots$

$3 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 3 = \dots\dots\dots$

$1 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$

5/

>
<
=

?

9 ☐ 10

8 ☐ 7

5 ☐ 5

6 ☐ 10

6/ Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$1 + \square = 2$

$2 + \square = 3$

$$2 + \square = 2$$

$$3 + \square = 4$$

7/ Nối phép tính với số thích hợp:

$$2 + 2$$

$$2 + 0$$

$$0 + 3$$

$$2 + 3$$

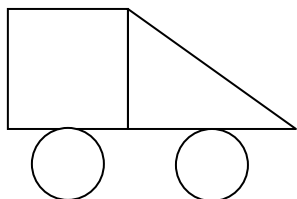
1

2

5

3

8/ Hình vẽ bên có:



.....hình vuông
.....hình tam giác
.....hình tròn

ĐỀ 14

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số ?

0		2	3	
---	--	---	---	--

	9			6
--	---	--	--	---

Bài 2: Tính nhẩm

$$1 + 1 =$$

$$2 + 2$$

$$3 + 1 + 1 =$$

$$3 + 1 =$$

$$2 + 1 =$$

$$2 + 1 + 0 =$$

Bài 3:

>
<
=

?

$$4 \dots 5$$

$$9 \dots 10$$

$$2 \dots 0$$

$$4 \dots 6$$

$$7 \dots 3 + 2$$

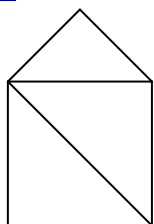
$$5 \dots 4 + 1$$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

Bài 5: Hình dưới có:



Có hình vuông .
 Có hình tam giác .

ĐỀ 15

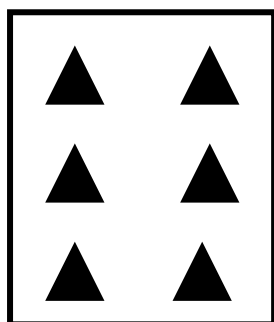
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

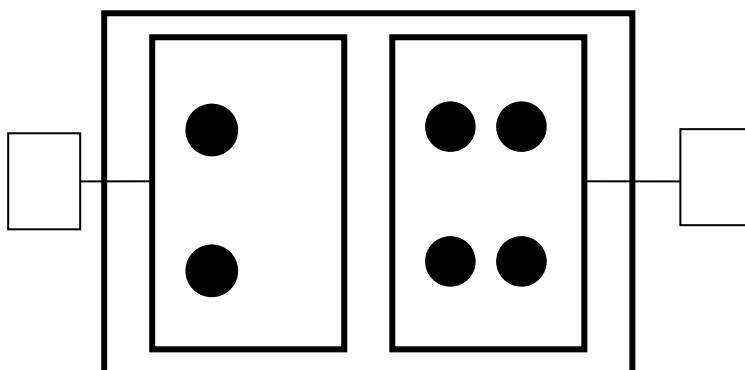
Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

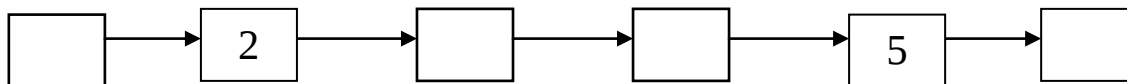
Bài 1:

a) SỐ ?





b) SỐ ?



Bài 2:

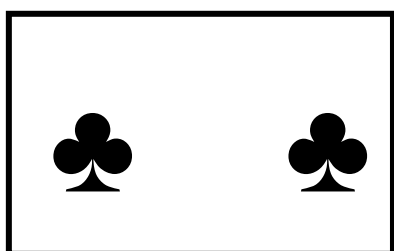
$>$	$3 + 2$	4	$3 + 1$	$4 + 1$
$<$?	$2 + 1$		$2 + 0$	$0 + 2$
$=$	$5 + 0$		$2 + 2$	$1 + 2$

Bài 3: Viết các số 6, 2, 9, 4, 7:

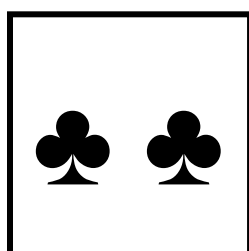
a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 4: Viết phép tính thích hợp



và



--	--	--	--	--

ĐỀ 16

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Viết số hoặc vẽ chấm tròn thích hợp vào ô trống:

6		8		5		10

Bài 2: Viết các số: 3; 10; 2; 9; 0; 8

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Tính:

a)
$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

.

b) $3+1+1=.....$ $2+0+2=$

Bài 4:

>
<
=

?

$3+2$ 5

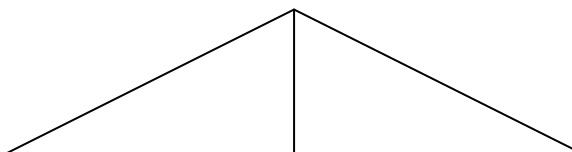
$1+3$ $2+0$

5 $2+2$

$2+1$ $0+3$

Bài 5: Hình bên :

- Cóhình tam giác



ĐỀ 17

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Số?

0		2			5	6				
---	--	---	--	--	---	---	--	--	--	--

9	8					3	2		
---	---	--	--	--	--	---	---	--	--

9		7		
---	--	---	--	--

4			7	8
---	--	--	---	---

2. Viết các số: 7, 2, 8, 6, 4

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

..... b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

..... 3.

>
<
=

? 0 1

4 9

3 2 + 3

10 6

7 7

5 1 + 4

3 + 1 2

4 4 + 0

4. Tính

4 + 0 =

1 + 2 + 1 =

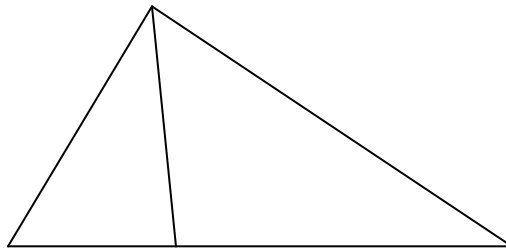
2 + 0 + 3 =

5. Viết phép tính thích hợp





6. Hình dưới đây có mấy hình tam giác?



Có hình tam giác

ĐỀ 18

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Toán – Lớp 1
Thời gian : 40 phút

Bài 1. Viết :

a) Các số từ 1 đến 10 :

b) Điền số theo mẫu :

.

.....

..

.....

.....

1

c) Viết số thích hợp vào ô trống:

1		3			6				10
----------	--	----------	--	--	----------	--	--	--	-----------

10	9			6			3		1
-----------	----------	--	--	----------	--	--	----------	--	----------

Bài 2. Tính:

a) 3 2
 + +
 1 3

b) $1 + 2 =$ $0 + 5 =$

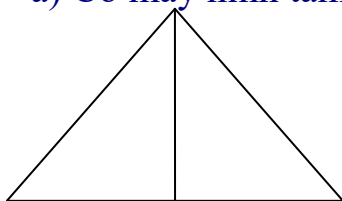
Bài 3. Khoanh vào số lớn nhất :

a) 0 ; 6 ; 4 ; 7 ; 5.

b) 5 ; 3 ; 9 ; 1 ; 10.

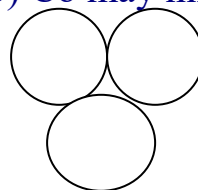
Bài 4. Hình :

a) Có mấy hình tam giác ?



Có ... hình tam giác

b) Có mấy hình tròn ?



Có ... hình tròn

Bài 5.

>
 <
 =

1 2 , 2 2

0 5 3 2

Bài 6.

a) Viết phép tính thích hợp :



--	--	--	--	--

b) Điền số và dấu để được phép tính đúng:

			=	5
--	--	--	---	---

ĐỀ 19

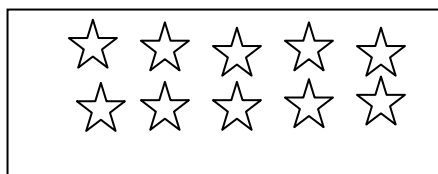
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

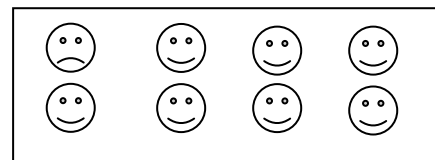
Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1:

a. Điền Số ?





b.

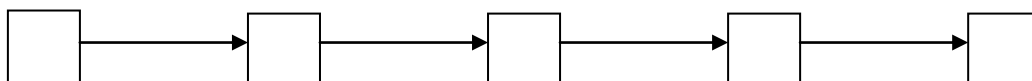
$4 + 1$

$>$
 $<$
 $=$

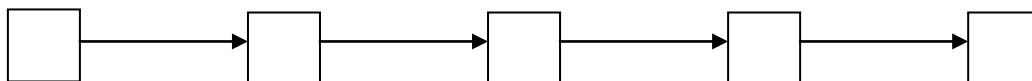
 ? 3 4 7 7 7 5 9

Bài 2: Viết các số 3; 10 ; 5; 2; 7

a. Theo thứ tự từ lớn đến bé:



b. Theo thứ tự từ bé đến lớn:



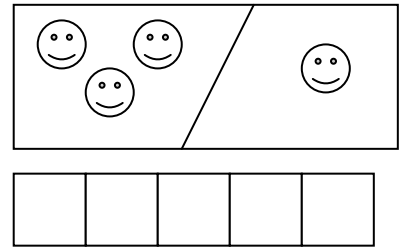
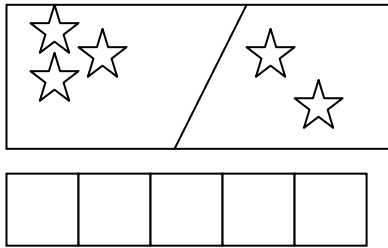
Bài 3: Tính ?

a.

$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--

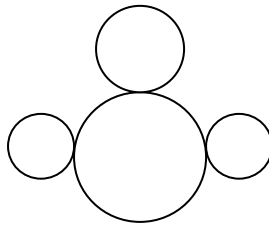
b. $1 + 3 + 1 = \dots\dots\dots$; $2 + 1 + 0 = \dots\dots\dots$; $2 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$; $2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp



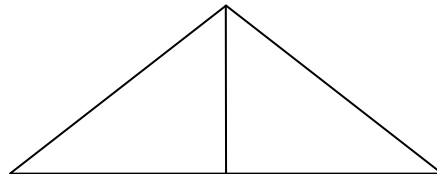
Bài 5: Nhận biết hình

a.



Có hình tròn

b.



Cóhình tam giác

ĐỀ 20

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?

$$3 + 2 = \square$$

$$2 + \square = 3$$

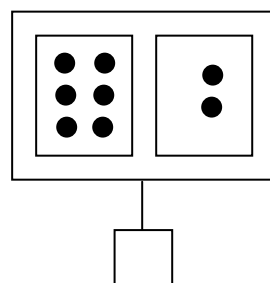
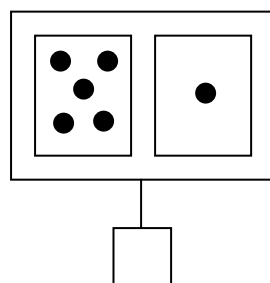
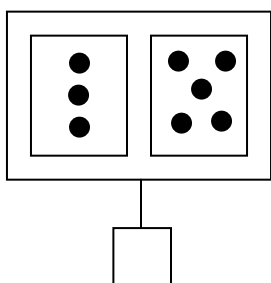
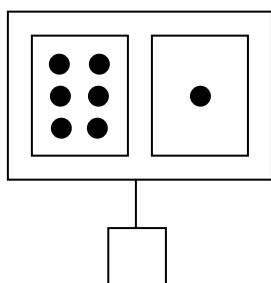
$$\square + 1 = 4$$

$$3 + 0 = \square$$

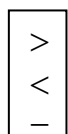
$$3 = \square + 1$$

$$3 + 1 = \square$$

Bài 2: Viết các số thích hợp vào ô trống:



Bài 3:



$$? 6 \square 1$$

$$5 \square 9$$

$$2 \square 7$$

$$4 \square 4$$

$$9 \square 10$$

$$7 \square 2$$

$$3 \square 4$$

$$2 \square 10$$

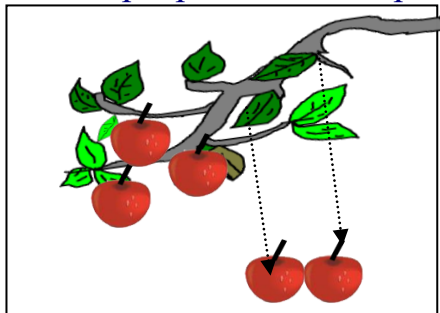
$$10 \square 10$$

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống :

0				4					9	
---	--	--	--	---	--	--	--	--	---	--

	9			6	5					0
--	---	--	--	---	---	--	--	--	--	---

Bài 4: Viết phép tính thích hợp :



--	--	--	--	--

ĐỀ 21

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1. Viết các số : 1, 0, 6, 9, 5

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn

	→		→		→		→	
--	---	--	---	--	---	--	---	--

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé

	→		→		→		→	
--	---	--	---	--	---	--	---	--

Bài 2:

$\begin{matrix} > \\ < \\ - \end{matrix}$	6 $\square$ 3	5 $\square$ 9	7 $\square$ 5	2 + 3 $\square$ 2 + 2
	? 4 $\square$ 4	9 $\square$ 10	10 $\square$ 8	1 + 4 $\square$ 4 + 1

Bài 3: Tính:

$2 + 1 =$

$1 + 3 =$

$2 + 2 + 1 =$

$5 + 0 =$

$1 + 2 =$

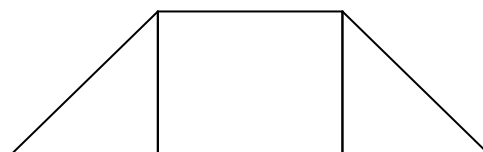
$3 + 1 =$

$4 + 1 =$

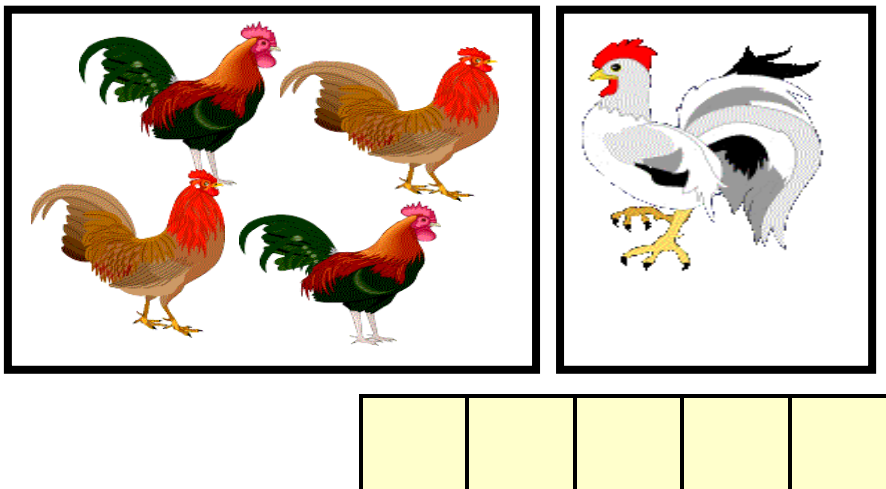
$0 + 5 =$

Bài 4: Hình bên :

- Có.....hình tam giác
- Cóhình chữ nhật.



Bài 6. Viết phép tính thích hợp:



ĐỀ 22

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất.

a) Số 20 gồm mấy chục, mấy đơn vị?

A. 1 chục và 2 đơn vị

B. 2 chục và 2 đơn vị

C. 2 chục và 0 đơn vị

b) Số 17 được viết là:

A. 17

B. 71

C. 07

c) Số 14 đọc là:

A. Một bốn

B. Mười bốn

C. Bốn một

d) $6 + 4 \dots\dots\dots 10 + 2$.Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. >

B. <

C. =

e) $\square + 5 - 2 = 17$. Số thích hợp điền vào ô trống là:

A. 13

B. 14

C. 12

g) Tính: $18 - 4 - 4 = \dots\dots\dots$ Số điền vào chỗ chấm là:

A. 14

B. 12

C. 10

h) Các số 50 , 10 , 70 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 10 , 50 , 70

B. 10 , 70 , 50

C. 50 , 10 , 70

i) Số tròn chục lớn nhất là số:

A. 70

B. 80

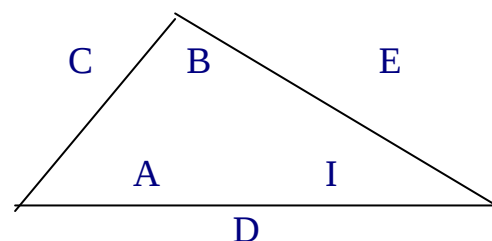
C. 90

k) Hình tam giác bên có:

A. 3 điểm ở trong, 2 điểm ở ngoài

B. 3 điểm ở trong, 3 điểm ở ngoài

C. 2 điểm ở trong, 3 điểm ở ngoài



l)



Số thích hợp điền vào ô trống là:

A. 10

B. 12

C. 14

2. Viết số tròn chục thích hợp vào ô trống.

$20 < \square < 40$

$70 < \square < 90$

3. Đặt tính rồi tính:

$70 - 10$

$20 + 30$

$90 - 50$

$40 + 40$

.....			
.....			
.....			
.....			,

5. Hồng trồng được 12 cây hoa. Trúc trồng được 7 cây hoa. Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây hoa?

Bài làm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 23

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

I/ Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Cho ba số: 8 ; 10 ; 9

Số lớn nhất là:

A. 9 B. 8 C. 10

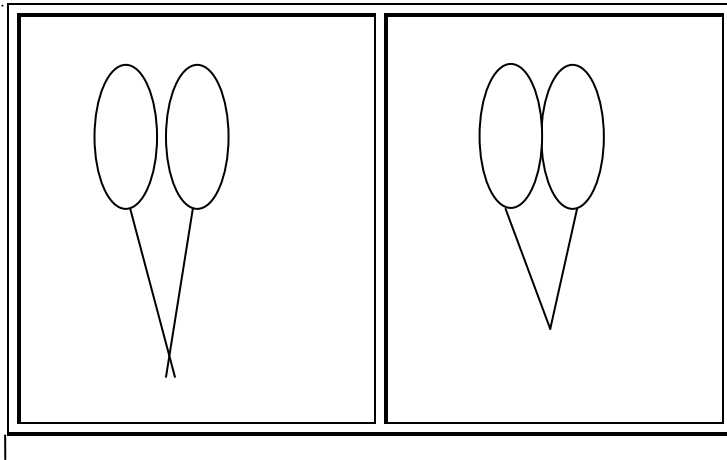
Câu 2: Trong các số từ 0 đến 10

Số bé nhất là:

A. 0 B. 1 C. 10

Câu 3: $1 \xrightarrow{+3} \square$

Câu 4: Viết phép tính thích hợp :



			=	
--	--	--	---	--

ĐỀ 25

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Số ?

0		2				6				
---	--	---	--	--	--	---	--	--	--	--

2. Khoanh vào số lớn nhất

4 ; 7 ; 0 ; 8 ; 3

3.

>
<
=

?

7.....3

5.....5

0.....5

3 + 1.....6

4. Số ? :

$$1 + 3 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$2 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$4 = 1 + \dots\dots$$

$$5 = \dots\dots +$$

5. Tính

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 0 \end{array}$$

6. Viết các số : 2 ; 6 ; 1 ; 4 ; 2

Theo thứ tự từ bé đến lớn :

7. Viết phép tính thích hợp:



và



--	--	--	--	--

ĐỀ 26

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

PHẦN I: Trắc nghiệm

Khoanh tròn chữ (A, B hoặc C) trước câu trả lời có kết quả đúng.

1. Trong các số: 9, 6, 4 . Số nào là số lớn nhất ?
 A. 9 B. 6 C. 4
2. Trong các số: 10, 0, 6 . Số nào là số bé nhất ?
 A. 10 B. 0 C. 6
3. Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $3 + 2 = \dots\dots$ là :
 A. 3 B. 4 C. 5
4. Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $1 + \dots\dots = 4$ là :
 A. 2 B. 3 C. 4
5. Dấu cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $2 + 1 \dots\dots 5$ là :
 A. > B. < C. =

PHẦN II. Thực hành

1. Tính:

$2 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$

2.

>
<
=

 ? 10

 7

$2 + 3 \text{

 } 5$

3.Số?:

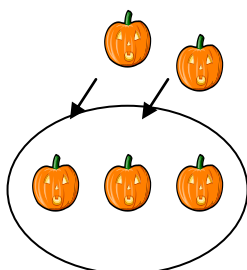
$\text{

} + 2 = 3$

$5 = \text{

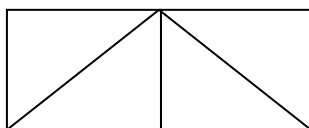
} + 2$

4. Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

5. Hình bên có:



Có ... hình vuông.
Có ... hình tam giác.

ĐỀ 27

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1) Số?

	2		4		6			9	
--	---	--	---	--	---	--	--	---	--

Bài 2) Viết các số 10 , 3 , 4 , 1 , 7.

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3) Tính

$$4 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$2 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

Bài 4)

>
<
=

?

$$1 + 2 \dots 4$$

$$3 + 2 \dots 5$$

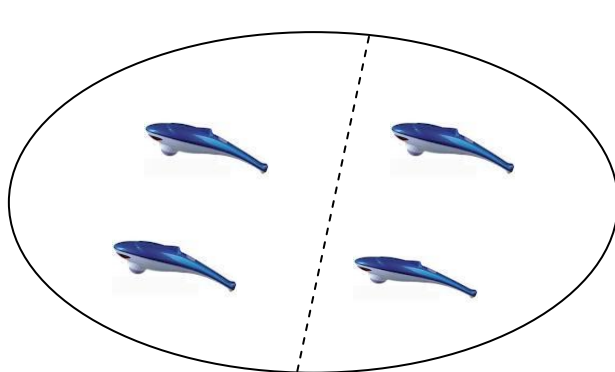
$$4 \dots 2 + 3$$

$$3 \dots 1 + 1$$

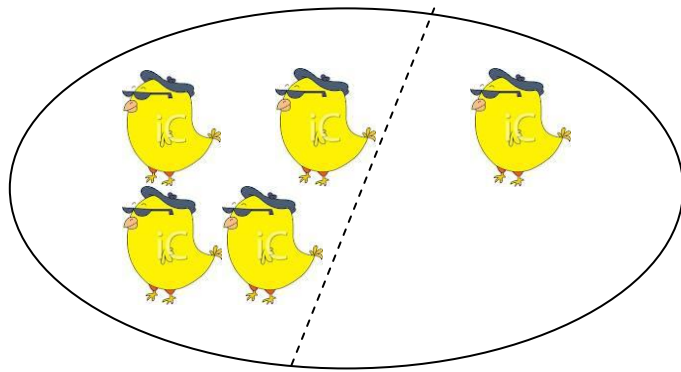
Bài 5) Tính

$2 + 2 + 1 = \dots\dots$ $1 + 2 + 2 = \dots\dots\dots$ $4 + 1 + 0 = \dots\dots\dots$ $1 + 3 + 0 = \dots\dots\dots$

Bài 6) Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--



--	--	--	--	--

ĐỀ 28

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

PHẦN I: Trắc nghiệm

Khoanh tròn chữ (A, B hoặc C) trước câu trả lời có kết quả đúng.

1. Trong các số: 4; 8; 10. Số nào là số lớn nhất ?
 A. 4 B. 8 C. 10
2. Trong các số: 3; 6; 9 . Số nào là số bé nhất ?
 A. 9 B. 6 C. 3
3. Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $2 + 3 = \dots\dots$ là :
 A. 4 B. 5 C. 0
4. Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $1 + \dots\dots\dots = 5$ là :
 A. 2 B. 4 C. 3
5. Dấu ($>$, $<$, $=$) cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $4 + 1 \dots\dots 5$ là :
 A. $>$ B. $<$ C. $=$

PHẦN II: Thực hành

1. Tính:

$2 + 3 = \dots\dots\dots$

$2 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$

$4 + 0 = \dots\dots\dots$

$1 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$

2. Viết dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào ô trống:

$10 \square 7$

$3 + 2 \square 5$

$7 \square 9$

$8 \square 4 + 1$

3. Viết số thích hợp vào ô trống:

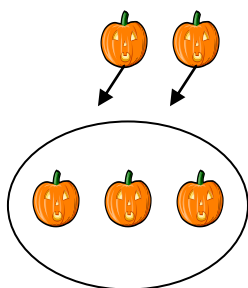
$\square + 3 = 3$

$4 = \square + 1$

$1 + \square = 2$

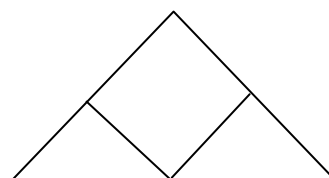
$\square + \square = 5$

4. Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

--	--	--	--	--



5. Hình bên cóhình tam giác .

ĐỀ 29

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Câu 1

>
<
=

? 0 1

7..... 7

10 6

2 + 1 4

Câu 2:Số?

a)

10			7		5
----	--	--	---	--	---

b)

5			8		10
---	--	--	---	--	----

Câu 3: Tính

$1 + 1 = \dots\dots$

$2 + 2 = \dots\dots\dots$

$2 + 1 = \dots\dots\dots$

$1 + 3 = \dots\dots\dots$

$4 + 0 = \dots\dots\dots$

$0 + 2 = \dots\dots\dots$

Câu 4: Tính

1

2

2

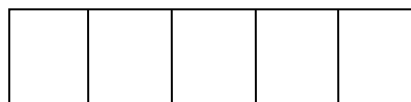
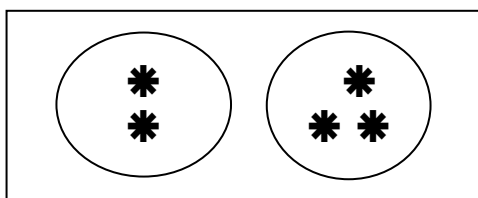
4

2

1

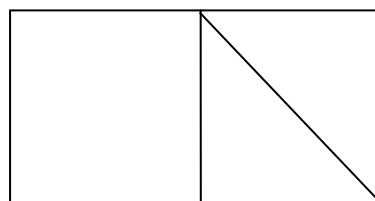
$\begin{array}{r} + \\ \underline{1} \\ \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} + \\ \underline{1} \\ \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} + \\ \underline{2} \\ \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} + \\ \underline{1} \\ \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} + \\ \underline{3} \\ \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} + \\ \underline{3} \\ \text{.....} \end{array}$
---	---	---	---	---	---

Câu 5: Viết phép tính thích hợp:



Câu 6: Hình vẽ bên có:

-hình tam giác
-hình vuông



ĐỀ 30

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I Môn: Toán – Lớp 1 Thời gian : 40 phút

Bài 1

a. Viết các số 7 , 9 , 3 , 10 , 2 theo thứ tự từ lớn đến bé:

--	--	--	--	--

b. Khoanh vào số bé nhất : 4 , 7 , 0 , 9 , 1

Khoanh vào số lớn nhất : 2 , 5 , 1 , 10 , 6

Bài 2 / Tính:

$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} 0 \\ + 5 \\ \hline \text{.....} \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \text{.....} \end{array}$
--	--	--	--

Bài 3 / Tính : 2 + 3 =

1 + 2 + 2 =

$1 + 3 = \dots\dots\dots$

$3 + 0 = \dots\dots\dots$

Bài 4/)

a. Số ?

$4 = 3 + \dots ; \quad 1 + \dots = 5$

$5 + \dots = 5 ; \quad 5 = \dots + 4$

b.

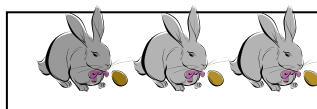
>
<
=

 ?

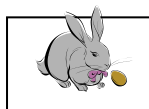
$$\begin{array}{ccc} 6 & \dots & 5 \\ 4 & \dots & 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 10 & \dots & 8 \\ 2 & \dots & 0 \end{array}$$

Bài 5/ Viết phép tính thích hợp:



và



--	--	--	--	--

ĐỀ 31

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Viết các số từ 0 đến 10 và từ 10 đến 0 vào ô trống dưới đây:

a)

	1					6			9	
--	---	--	--	--	--	---	--	--	---	--

b)

10					5			2		
----	--	--	--	--	---	--	--	---	--	--

Bài 2:

a) Số/

$\boxed{} + 1 = 3$

$2 + \boxed{} = 2$

$1 + \boxed{} = 4$

$\boxed{} + 0 = 5$

b) Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm (.....)

>	?
<	
=	

6 ... 10

9 ... 8

4 ... 4

2 ... 0

Bài 3: Tính ?

a)

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

b) $2 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp:

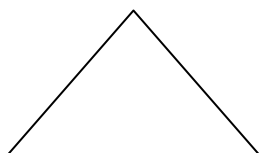
a)

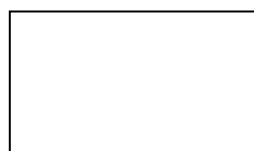
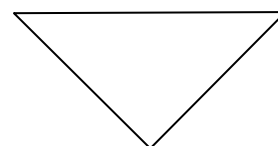
					

b)

Bài 5: Đánh dấu X vào ô trống dưới hình tam giác


☐

☐

☐

☐

ĐỀ 32

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Viết:

Viết các số từ 1 đến 10 :

2. Tính :

a)

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

b) $2+0+1 =$; $1+3+1 =$; $5+0 =$; $2+3 =$

3. Viết các số : 5; 6; 2; 3; 7 .

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

4.Hình dưới đây có :



...hình tam giác

5. Số ?

.....+ 3 = 3;

3+.....= 5

.....+ 1= 2

2+.....= 5

6.

>
<
=

?

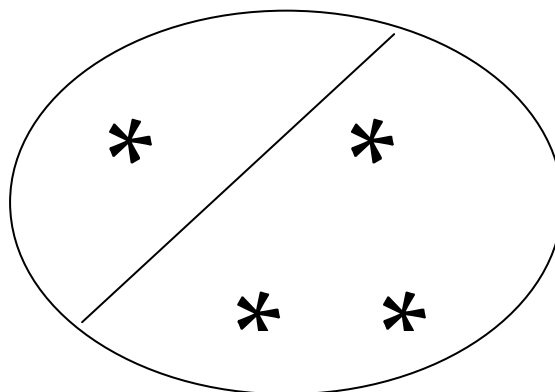
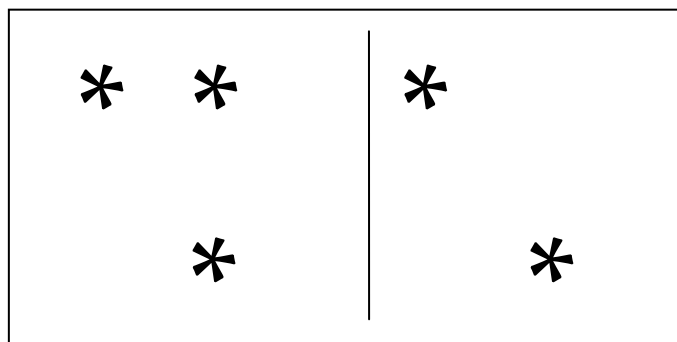
2+3.....5

3+2.....1+2

2+2.....5

2+1.....1+2

7. Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

ĐỀ 33

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

PHẦN I: Trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

Câu 1: Trong các số 1 ; 5 ; 2 ; 0 , số nào là số lớn nhất ?

- A. 1 B. 5 C. 2 D. 0

Câu 2: Trong các số 1 ; 3 ; 5 ; 4, số nào là số bé nhất ?

- A. 1 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 3: Dấu cần điền vào ô trống ở phép tính $2 + 3 \square 4$ là:

- A. > B. < C. =

Câu 4: Số cần điền vào ô trống ở phép tính $5 = 1 + \square$ là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 5: Số cần điền vào ô trống ở phép tính $3 + \square = 4$ là :

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6: Kết quả của phép tính $2 + 1 + 2$ là bao nhiêu ?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

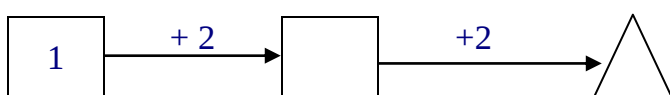
Câu 7: Kết quả của phép tính $4 + 0$ là bao nhiêu ?

- A. 0 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 8: Dấu cần điền vào ô trống ở phép tính $2 + 3 \square 3 + 2$ là :

- A. > B. < C. =

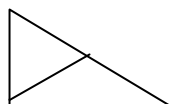
Câu 9:



Số cần điền vào hình tam giác trên là số nào ?

- A. 1 B. 5 C. 2 D. 0

Câu 10:



Số hình tam giác ở hình trên là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

PHẦN II: Thực hành.

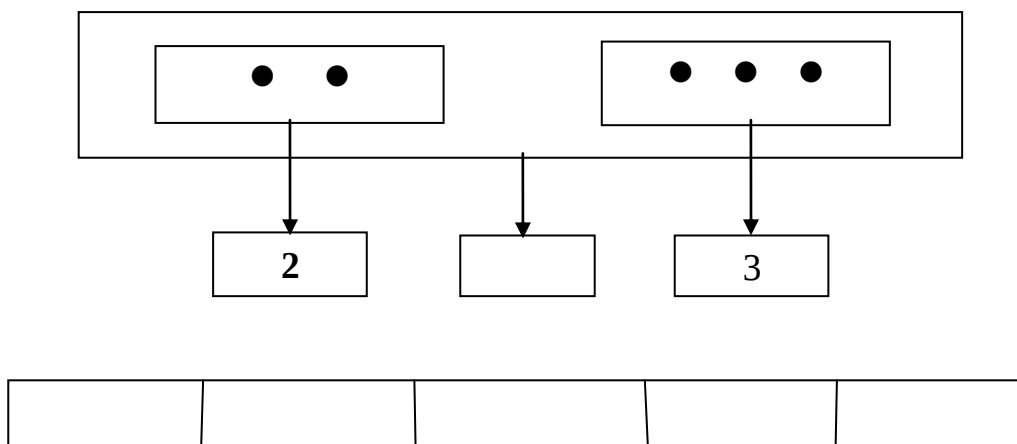
Bài 1: Tính.

$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 0 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$
.....			

Bài 2: Tính.

- | | |
|--------------------|------------------------|
| a) $2 + 1 =$ | c) $1 + 2 + 1 =$ |
| b) $3 + 2 =$ | d) $2 + 0 + 3 =$ |

Bài 3 : Điền số và điền phép tính đúng.



ĐỀ 34

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đầu dòng em cho là đúng:

a, $3 + 1 = 1$

b, $3 + 1 = 4$

c, $3 + 1 = 3$

Bài 2: Đúng ghi Đ sai ghi S:

a. $8 > 7$ ☐

d. $4 > 5$ ☐

b. $8 = 7$ ☐

e. $5 > 6$ ☐

Bài 3: Tính:

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad + \begin{array}{r} 3 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad + \begin{array}{r} 5 \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

Bài 4:

>	10	☐	7
<	? 7	☐	9
=			

$3 + 2$ ☐ 5

8 ☐ $4 + 1$

Bài 5: Số?

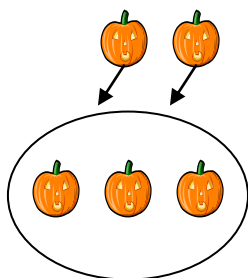
☐ + 3 = 3

4 = ☐ + 1

1 + ☐ = 2

☐ + ☐ = 5

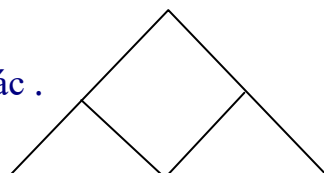
Bài 6: Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

Bài 7:

Hình bên cóhình tam giác .



ĐỀ 35

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1:

a. Viết số thích hợp vào ô trống:

0		2	
---	--	---	--

5		7	8	
---	--	---	---	--

10	9		7		5
----	---	--	---	--	---

b.

Số lớn nhất có một chữ số là:.....

Số bé nhất có một chữ số là:

Bài 2:Tính

a) $3 + 2 =$

$1 + 3 =$

$5 + 0 =$

$2 + 1 =$

$2 + 1 + 2 =$

b)

$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ - \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--

Bài 3: Viết các số 4 , 2 , 7 , 9:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Bài 4:

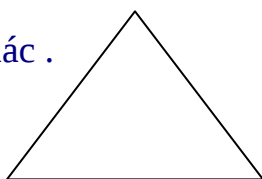
>
<
=

$3 \dots 5$
 $2 + 1 \dots 4$
 $4 + 1 \dots 5$

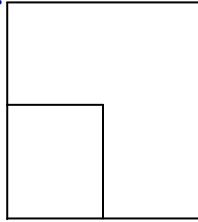
$9 \dots 7$
 $5 \dots 2 + 2$
 $5 \dots 1 + 4$

Bài 5:

a) Có... hình tam giác .



b) Có ... hình vuông .



ĐỀ 36

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. *Siêu sè thých híp vao d·y sau:*

$$\begin{array}{cccccccccc} & & 0 & & & & 2 & & & & \\ 7 & & & & & 10 & & & & & 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{cccccccccc} & & 10 & & 9 & & & & 0 & & 6 \\ 4 & 3 & & & & & & & & & \end{array}$$

2.

>
<
=

?

$$2 \dots\dots\dots 2$$

$$1 \dots\dots\dots 0$$

$$3 \dots\dots\dots 6$$

$$4 \dots\dots\dots 9$$

$$10 \dots\dots\dots 8$$

$$8 \dots\dots\dots 8$$

3. Týnh:

$$\begin{array}{ccc} + & 2 & + & 1 & + & 2 & \\ & 2 & & & & & \\ 3 & & & & & & 3 \end{array}$$

4. Týnh :

$$1 + 2 + 1 =$$

$$2 + 2 + 1 =$$

5. *Số?*

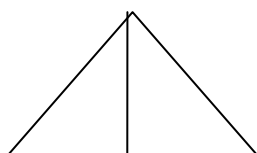
$$\begin{array}{ccc} 1 & \square & = 5 & \square & 3 & + & = \\ 3 & & & & & & \\ & \square & + 2 = 4 & \square & 1 & + & = \\ 4 & & & & & & \end{array}$$

6. Viét phép tính thích hợp:





7. Hình bên có.... hình tam giác.



ĐỀ 37

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Em hãy khoanh tròn vào các câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau .

Câu 1 . $2 + 3 =$ Số cần điền vào chỗ chấm là .

A . 4 B . 1 C . 5 D . 0

Câu 2. $1 + 1 =$ số cần điền vào chỗ chấm là .

A . 0 B . 2 C . 3 D . 4

Câu 3 . Số viết thích hợp vào ô trống là .

1	2		4	5
---	---	--	---	---

A . 1 B . 3 C . 4 D . 5

Câu 4 . Dấu cần điền vào chỗ chấm là .

$$1 + 3 \dots 5$$

A . < B . > C . = D . Không có dấu .

Câu 5 . $5 - 4 =$ số cần điền chỗ chấm là .

A . 0 B . 1 C . 2 D . 3

II / phần tự luận

Câu 1 .

a/ $1 + 2 =$

b/ $3 + 1 =$

c/ $2 + 2 =$

d/ $4 + 1 =$

Câu 2 .Viết các số 1, 4 ,5 ,0 ,2/

a/ Theo thứ tự từ lớn đến bé :

.....

b/ Theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

Câu 3.

>
<
=

?

a/ 5 4

c/ 4.....4

b/ 32

34

ĐỀ 38

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Phần 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1/ Cho các số

1	2	3		5		7
---	---	---	--	---	--	---

Số còn thiếu trong ô trống là:

a. 3, 5

b. 4, 5

c. 4, 6

d. 5, 6

2/ Cho số: 3 5

Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

a. >

b. <

c. =

3/ Cho phép tính: 2 + 24

Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

a. =

b. <

c. >

4/ Kết quả của phép tính 1 + 3 là:

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

5/ 3 < < 5

Số cần điền vào ô trống là:

a. 3

b. 4

c. 5

Phần 2: Thực hành

1/ Viết các số 5 , 9 , 2 , 7 , 4:

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

3/ Tính:

$$2 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$2 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$3 + 0 + 2 = \dots\dots\dots$$

4/ Tính:

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

ĐỀ 39

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1 : Số ?

a /

0	1		3		5

b / Số lớn nhất có một chữ số là

Số bé nhất có một chữ số là

Bài 2 : Tính :

$$1 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$1 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$0 + 4 = \dots\dots\dots$$

$$1 + 4 + 0 = \dots\dots\dots$$

Bài 3 : Viết các số 5 , 8 , 2 , 3 :

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b/Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Số

Bài 4 :

$$2 + 2 = \boxed{} \quad 5 = 4 + \boxed{} \quad \boxed{} + 1 = 3$$

Bài 5 : Điền dấu : > , < , = vào chỗ chấm .

>
<
=

?

$2 + 0 \dots\dots\dots 0$

$5 \dots\dots\dots 4 + 1$

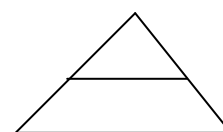
$2 + 0 \dots\dots\dots 2$

$4 + 1 \dots\dots\dots 5$

Bài 6 : Số?



Hình tam giác



Bài 7 : Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

ĐỀ 40

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Phần I : Khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng

1. Số bé nhất có 1 chữ số là:

- A.0 B.9 C.1 D.2

2. Số bé nhất có 2 chữ số giống nhau là:

- A. 99 B. 22 C.10 D. 11

3.Số liền trước của 90 là:

- A.88 B.89 C.80 D.91

4. Có bao nhiêu số có một chữ số?

- A. 8 B. 9 C. 10 D. 11

5. Cho dãy số sau: 11; 13; 15;;; 21. Hai số còn thiếu là:

- A. 15; 17 B. 17; 19 C. 19; 20 D. 21; 23

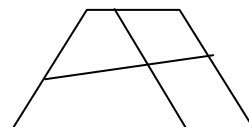
6. 10 cm =dm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 12 C. 1 D. 100

7. Trong hình vẽ bên có hình tứ giác.

Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 4 B. 6 C. 9 D. 8



8. Năm nay em 8 tuổi, hai năm nữa tuổi em sẽ là:

- A. 9 tuổi B. 10 tuổi C. 11 tuổi D. 12 tuổi

Phần 2:

. Bài 1 / Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là:

a/ 43 và 25

b/ 5 và 21

Bài 2 / Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

a/ 84 và 31

b/ 59 và 9

Bài 3/ Tính

$$19\text{cm} - 10\text{cm} = \dots\dots\dots$$

$$8\text{dm} + 7\text{dm} - 5\text{dm} = \dots\dots\dots$$

$$55\text{kg} + 4\text{kg} = \dots\dots\dots$$

$$161 + 41 - 51 = \dots\dots\dots$$

Bài 4/ Giải toán :

Tuấn cân nặng 38 kg. Minh cân nặng hơn Tuấn 6 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

ĐỀ 41

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

I/ Trắc nghiệm:

Câu 1: Số bé nhất có một chữ số là:

- A. 1 B. 2 C. 0 D. 3

Câu 2: Số lớn nhất có một chữ số:

- A. 8 B. 7 C. 9 D. 6

Câu 3: Số liền trước số 8 là:

- A. 7 B. 9 C. 6 D. 5

Câu 4: Số liền sau số 7 là:

- A. 8 B. 10 C. 9 D. 6

Câu 5: Số cần điền vào ô trống là: $9 < \square$

- A. 8 B. 10 C. 7 D. 6

Câu 6: Dấu cần điền vào ô trống là: $7 \square 9$

- A. $<$ B. $>$ C. $=$

Câu 7: Kết quả của phép tính là: $2+1+2 = \dots\dots$

- A. 5 B. 6 C. 4 D. 3

Câu 8: Dấu cần điền vào ô trống là: $1+3 \square 3+1$

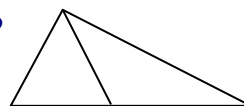
- A. $<$ B. $>$ C. $=$

Câu 9: Kết quả của phép tính là: $2+3 = \dots$

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 10: Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 1



Thực hành:

Câu 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

	1				5
--	---	--	--	--	---

0			3				7			10
---	--	--	---	--	--	--	---	--	--	----

Câu 2: Tính:

$2 + 2 = \dots\dots$

$2 + 1 + 2 = \dots\dots$

$3 + 2 = \dots\dots$

$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 1 \\ \hline \dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 1 \\ \hline \dots \end{array}$
--	---

Câu 3: Điền dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào ô trống:

$6 \square 5$; $9 \square 10$; $4 \square 4$

Câu 4: Điền số thích hợp vào ô trống:

$5 + \square = 5$; $4 + 1 = 1 + \square$

ĐỀ 42

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?

--	--	--	--	--

a) Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống:

1			4	
---	--	--	---	--

5	4			
---	---	--	--	--

Bài 3 : Tính :

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 0 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

.....

Bài 4 : Tính :

$2 + 1 + 2 =$

$3 + 1 + 1 =$

$2 + 1 + 1 =$

Bài 5 :

>
<
=

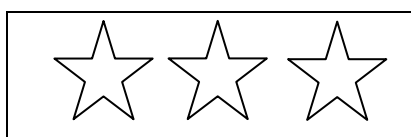
?

$2 + 3 \dots\dots 5$

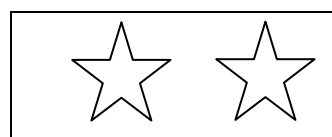
$2 + 2 \dots\dots 2 + 1$

$5 + 0 \dots\dots 2 + 3$

Bài 6 : Viết phép tính thích hợp :



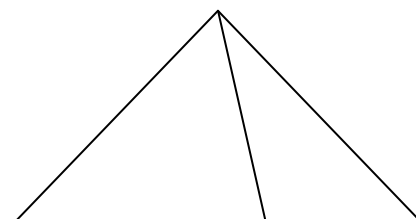
và



--	--	--	--	--

Bài 7 : Hình bên :

a) Có mấy hình tam giác ?



ĐỀ 43

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Số ?

2. Viết số thích hợp vào ô trống:

0				4	
---	--	--	--	---	--

5				1	
---	--	--	--	---	--

3. ?

>
<
=

2 2 ; 2 4 ; 3 2 ; 4 5

4. Tính:

$\begin{array}{r} 1 \\ +3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ +1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ +3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ +1 \\ \hline \end{array}$
...	...	...	...

5. Viết số và phép tính thích hợp:

6. Tính:

$1 + 4 = \dots\dots\dots$

$2 + 2 = \dots\dots\dots$

$3 + 2 = \dots\dots\dots$

$5 + 0 = \dots\dots\dots$

ĐỀ 44

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Viết:

Viết các số từ 1 đến 10 :

2. Tính :

a)

$$\begin{array}{r} + 3 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

b) $2+0+1 = \dots\dots\dots$; $1+3+1 = \dots\dots\dots$; $5+0 = \dots\dots\dots$; $2+3 = \dots\dots\dots$

3. Viết các số : 5; 6; 2; 3; 7

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Hình dưới đây có mấy hình tam giác?



- A. 1 hình
B. 2 hình

- C. 3 hình
D. 4 hình

5. Số ?

$\dots\dots + 3 = 3;$

$3 + \dots\dots = 5$

$\dots\dots + 1 = 2$

6.

>	?
<	
=	

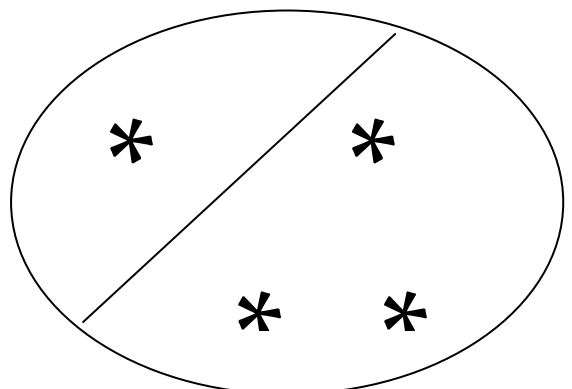
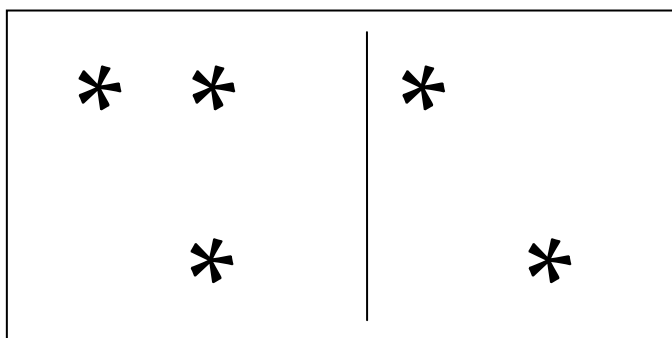
$2+3 \dots\dots 5$

$3+2 \dots\dots 1+2$

$2+2 \dots\dots 5$

$2+1 \dots\dots 1+2$

7. Viết phép tính thích hợp:



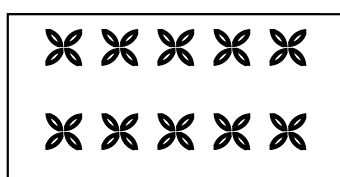
ĐỀ 45

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

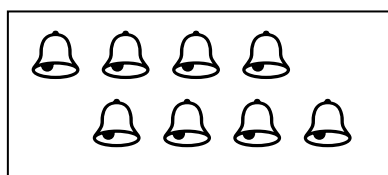
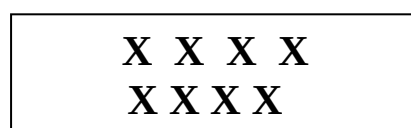
Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Nói theo mẫu:

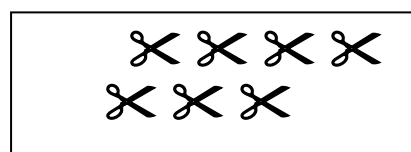


10



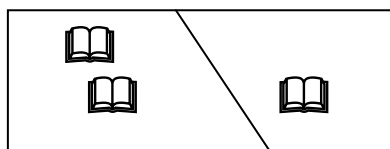
7

8



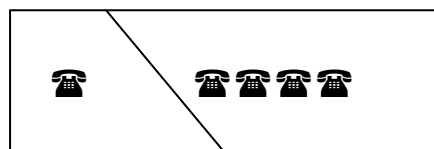
2. Viết phép tính thích hợp:

a)



--	--	--	--	--

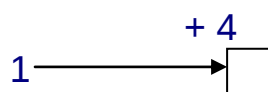
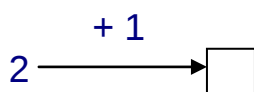
b)



--	--	--	--	--

3. Soá ? $1 + \dots = 1$

$2 + \dots = 4$



4. Tính: $2 + 1 + 2 = \dots$

$1 + 2 + 1 = \dots$

5.

>
<
=

?

5 ... 8
9 ... 2
5 ... 2 + 1

10 ... 0
7 ... 5
4 + 0 ... 2 + 3

6.Hình bên có:
...hình vuông.

ĐỀ 46

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Toán – Lớp 1
Thời gian : 40 phút

Câu 1: Tính nhẩm:

$9 + 6 = \dots$	$5 + 8 = \dots$	$7 + 0 = \dots$	$3 + 9 = \dots$
$7 + 7 = \dots$	$8 + 6 = \dots$	$18 + 5 = \dots$	$6 + 7 = \dots$
$9 + 8 = \dots$	$6 + 5 = \dots$	$8 + 7 = \dots$	$9 + 5 = \dots$

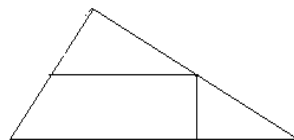
Câu 2: Đánh dấu X vào ô đúng:

- | | |
|---|---|
| <p>a) $10 + 9 - 5 = 13$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$10 + 9 - 5 = 14$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$10 + 9 - 5 = 15$ ☐</p> | <p>b) $19 - 12 - 4 = 3$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$19 - 12 - 4 = 4$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$19 - 12 - 4 = 5$ ☐</p> |
| <p>c) $10\text{cm} = 1\text{dm}$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$10\text{cm} = 100\text{dm}$ ☐</p> | <p>d) $6\text{dm} = 6\text{cm}$ ☐</p> <p style="padding-left: 20px;">$6\text{dm} = 60\text{cm}$ ☐</p> |

Câu 3: Trong hình bên:

a/ Có..... hình tam giác

b/ Có..... Hình tứ giác



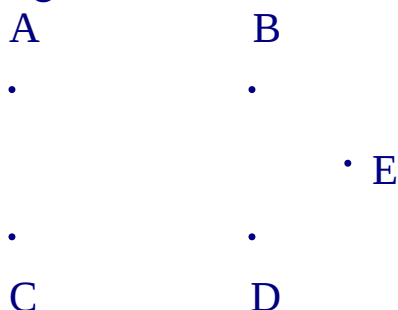
Câu 4: Đặt tính rồi tính :

$38 + 56$	;	$69 + 17$	;	$45 + 39$	;	$9 + 64$
.....						
.....						
.....						...

Câu 5:

Mẹ hái được 35 quả bưởi, chị hái hơn mẹ 18 quả bưởi . Hỏi chị hái được bao nhiêu quả bưởi ?

Câu 6: Dùng thước và bút nối các điểm để có 1 hình chữ nhật:



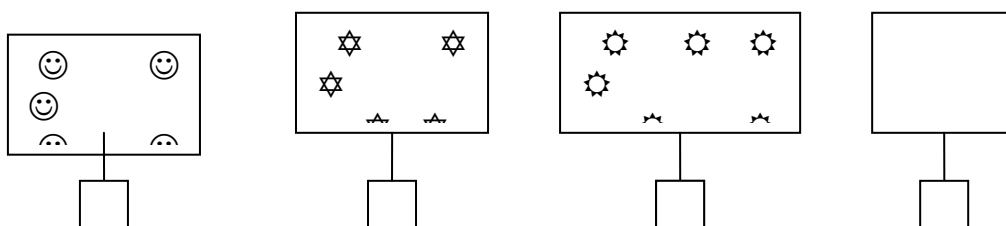
ĐỀ 47

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Câu 1: Số?

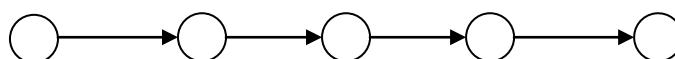


Câu 2: Viết số thích hợp vào ô trống:

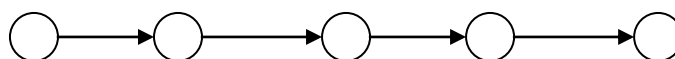
	1	5		7	6			
	4			7	10		8	

Câu 3: Viết các số 3, 6, 10, 7, 9 .

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn



b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.



Câu 4 <
> ? 3 + 2 5 ; 2 + 2 5 + 0

$$4 + 1 \quad \square \quad 3 + 1 ; 5 + 0 \quad \square \quad 0 + 4$$

Câu 5: Tính

$$\begin{array}{r} + 5 \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 3 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 4 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

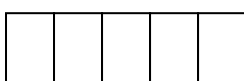
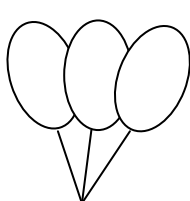
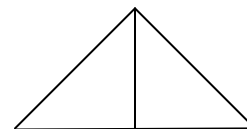
.....

.....

.....

Câu 6 : Hình bên có: hình tam giác

Câu 7: Viết phép tính thích hợp:



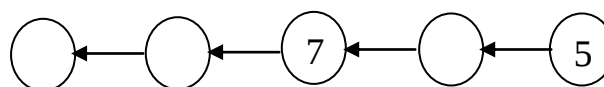
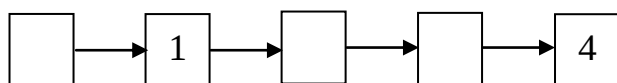
ĐỀ 48

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?



Bài 2: Tính

$1 + 4 = \dots\dots\dots$

$3 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 2 = \dots\dots\dots$

$2 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$

$4 + 0 = \dots\dots\dots$

$4 + 1 + 0 = \dots\dots\dots$

Bài 3:



$\square \quad 2 + 3$

$4 \quad \square \quad 4 + 0$

$3 + 1 \quad \square \quad 3 + 0$

$5 \quad \square \quad 2 + 2$

$3 \quad \square \quad 1 + 1$

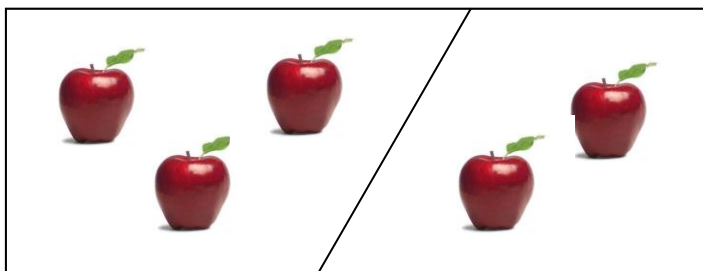
$2 + 3 \quad \square \quad 4 + 0$

Bài 4: Viết các số 0, 1, 7, 3, 4:

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Bài 5: Viết phép tính thích hợp:

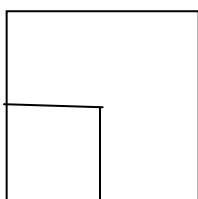


--	--	--	--	--

Bài 6: Hình bên có:



hình vuông.



ĐỀ 49

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1/ Sè ?

	2	3		5			8		10
--	---	---	--	---	--	--	---	--	----

Viết các số : 2 , 10 , 6 , 9

*Theo thứ tự từ nhỏ đến lớn :

*Theo thứ tự từ lớn đến nhỏ :

2/ Tính :

4		1		5		2
	2			2		
+	+			+		+
1	3	0		0		1
.....						

3/ Tính :

$1 + 0 + 4 = \dots\dots$

$2 + 1 + 1 = \dots\dots$

$3 + 2 = \dots\dots$

$2 + 1 + 2 = \dots\dots$

4/ Siôn dÊu : > , < , =

$$\begin{array}{ccc} 2 & \square & 3 \\ 4 & & \\ & \square & \\ & 2 + 2 & \\ 2 + 3 & & \end{array}$$

$\square + 4$

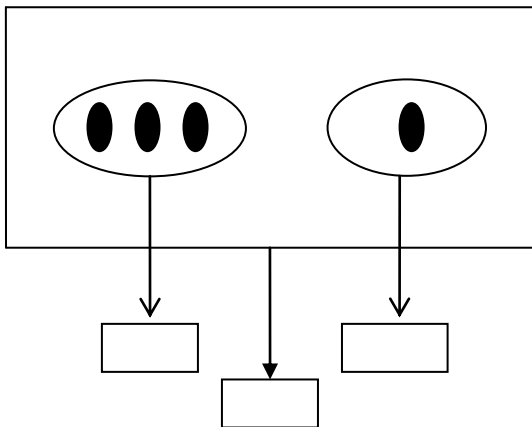
$\square 2 + 1$

$$\begin{array}{ccc} & \square & \\ 5 & & \\ & \square & \\ 7 & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 3 + 0 & & \\ 7 & & \\ 0 + 2 & & \\ 5 & & \end{array}$$

5/ Sè :

ViÕt phÐp tÝnh thÝch hÞp víi h×nh vÏ b¹n



--	--	--	--	--

ĐỀ 50

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Điền số

0		2		4	5				
---	--	---	--	---	---	--	--	--	--

9	8					3	2		
---	---	--	--	--	--	---	---	--	--

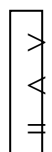
9		7		
---	--	---	--	--

4			7	8
---	--	--	---	---

Bài 2: Viết các số 9, 7, 1, 3, 5, 6:

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3:



0 ☐ 1

10 ☐ 6

3 ☐ 9

7 ☐ 7

8 ☐ 5

4 ☐ 8

Bài 4 : Tính

$3 + 2 = \dots\dots\dots$

$$\begin{array}{r} + 4 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

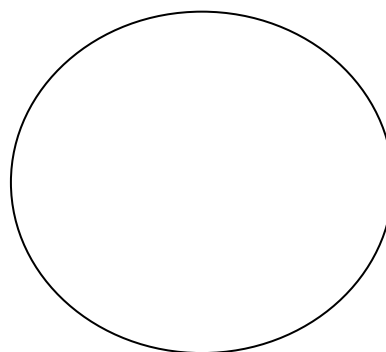
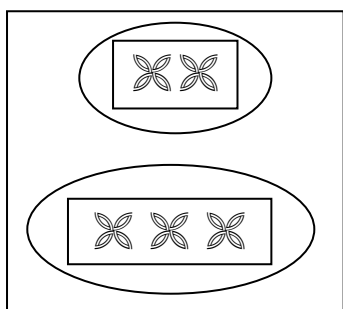
.....

$4 + 0 = \dots\dots\dots$

$2 + 3 = \dots\dots\dots$

$0 + 3 = \dots\dots\dots$

Bài 5: Viết phép tính thích hợp

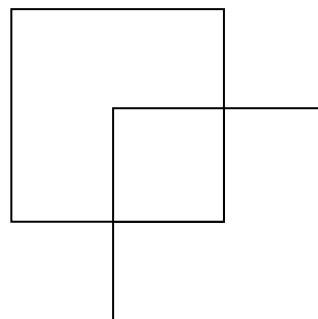
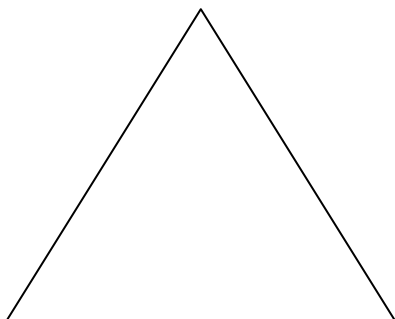


--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Bài 6 : Số?

Hình dưới đây có :



Có hình tam giác
vuông

Có hình

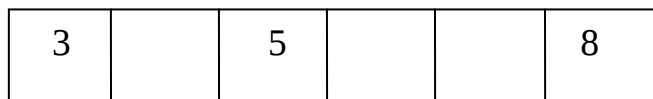
ĐỀ 51

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1.Số?



2.Viết c, c sè sau 9 , 5 , 7 , 2 .

a. Theo thø tù tở lín ®Ồn bĐ:

.....

b. Theo thø tù tở bĐ ®Ồn lín:

.....

3.TÝnh :

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

4.

>	?
<	
=	

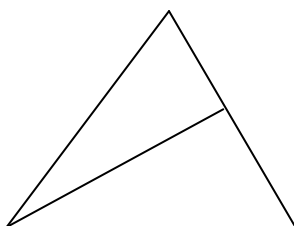
$7 \square 9$

$0 \square 9$

$2 + 2 \square 5$

$1 + 3 \square 4$

5.Hình dưới có:



... h×nh tam gi, c.

6.Số?

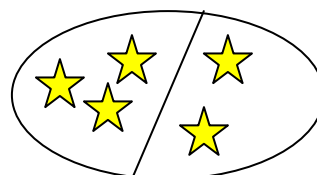
$\square + 4 = 4$

$2 + \square = 2$

$3 + \square = 5$

$\square + 4 = 5$

7.Viết phép tính thích hợp:



ĐỀ 52

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1)

$> < =$

 ?

3 2

8 6

9 9

6 $5 + 0$

4 5

8 9

7 7

5 $4 + 1$

2) Viết số thích hợp vào ô trống:

	1			4				8		
--	---	--	--	---	--	--	--	---	--	--

10									1	
----	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--

3) Tính:

$1 + 4 = \dots\dots$

$5 + 0 = \dots\dots$

$2 + 1 + 2$

$= \dots\dots$

$4 + 1 = \dots\dots$

$0 + 5 = \dots\dots$

$2 + 0 + 2 =$

$\dots\dots$

4) Tính:

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

5) Khoanh vào số lớn nhất

a) 4 , 3 , 5

b) 9 , 10, 8

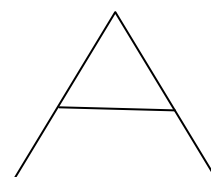
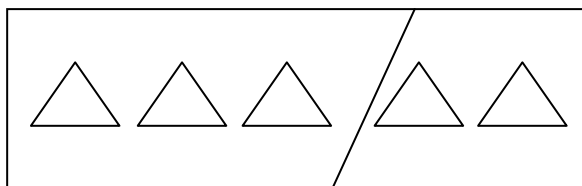
6) Viết phép tính thích hợp:

Câu 4: Số?

$4 + \square = 5$

$\square + 2 = 3$

Câu 5: Viết phép tính thích hợp:



Câu 6: Hình bên có :
..... hình tam giác.

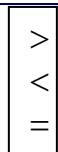
ĐỀ 54

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Câu 1:



?

a/ $10 \dots 7$

$4 \dots 5$

b/ $8 \dots 4 + 4$

$1 + 3 \dots 1 + 2$

Câu 2: Viết số thích hợp vào ô trống:

a/

1			4		6
---	--	--	---	--	---

b/

6		4		2	
---	--	---	--	---	--

Câu 3: Tính :

a/ $2 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$

$1 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$

b/ $1 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

Câu 4: Tính:

$$\begin{array}{r} 2 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

Câu 5: Số ?

a/ $2 + \dots = 4$

$3 + \dots = 5$

b/ $4 = 1 + \dots$

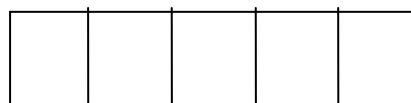
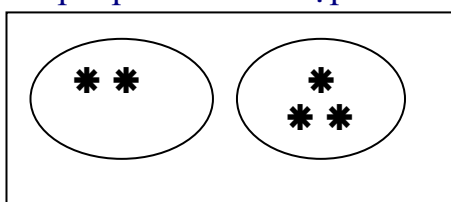
$5 = \dots + 4$

Câu 6: Viết các số 5, 2, 4, 10, 7 :

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Câu 7: Viết phép tính thích hợp:



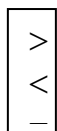
ĐỀ 55

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1.



?

$2 \square 3$

$3 \square 5$

$5 \square 4$

$7 \square 7$

2. Số?

$\square < 2$

$\square < 3$

$\square > 5$

$6 = \square$

3. Tính:

$1 + 3 =$

$3 + 0 =$

$4 + 1 =$

$0 + 4 =$

$2 + 2 =$

$2 + 1 =$

$5 + 0 =$

$3 + 2 =$

4. Viết số thích hợp vào ô trống:

$1 + \square = 4$

$5 + \square = 5$

$\square + 3 = 5$

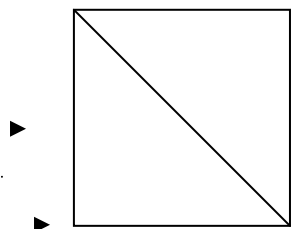
$\square + 2 = 4$

5. Trong các số từ 0 đến 10:

a. Số bé nhất là:.....

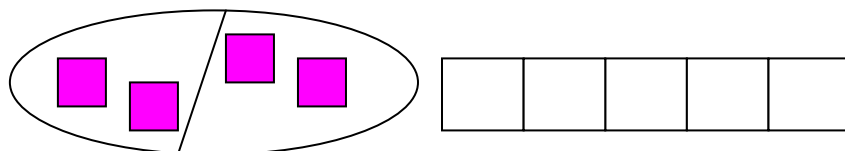
b. Số lớn nhất là:.....

6. Hình dưới :



Có ... hình tam giác

7. Viêt phép tính thích hợp:



ĐỀ 56

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

1. Viêt:

Viết các số từ 1 đến 10 :

2. Tính :

a)

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

b) $2+1+1 =$; $2+2+1 =$; $5+0 =$; $3+3 =$

3. Viêt các số : 0; 3; 5; 1; 6

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

4. Hình dưới đây có :



...hình tam giác

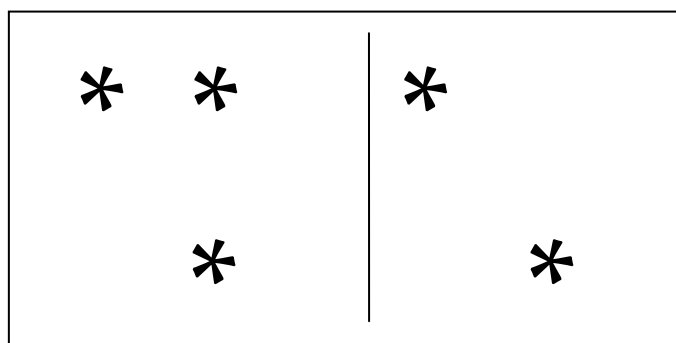
5.Điền Số ? .

.....+ 3 = 4;

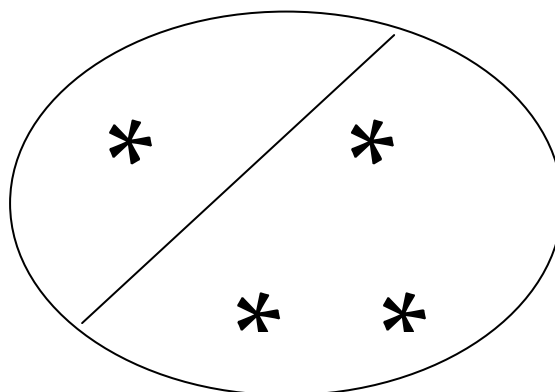
3+.....= 3

.....+ 1= 2

6. Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--



--	--	--	--	--

ĐỀ 57

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1:Số?

Câu a: 1 → → 3 → → 5

Trong các số trên:

Câu b: Số bé nhất là:

Số lớn nhất là:

Câu c: $3 + 2 =$

$3+1=$

Câu d: $2 + 3 =$

$0 + 5 =$

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

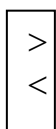
Câu a: $5 + \quad = 5$

A. 1

B. 0

C. 5

D. 2



? 2 □ 5
9 □ 6

1 + 1 □ 2
5 + 0 □ 8

Câu 3: Tính:

2 + 1 =

3 + 2 =

4 + 0 =

1 + 1 + 2 =

Câu 4: Viết các số 10, 7, 1, 3, 5:

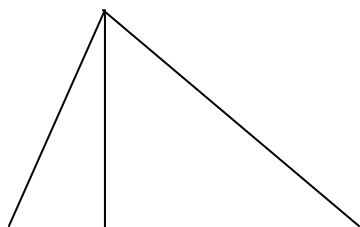
a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

a. Theo thứ tự từ lớn đến bé:

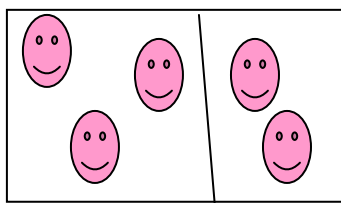
.....

Câu 5: Hình vẽ dưới đây :



Có..... hình tam giác

Câu 6: Viết phép tính thích hợp:



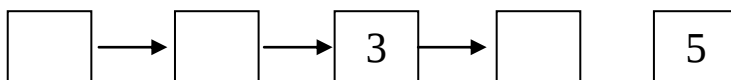
ĐỀ 59

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số?



Bài 2: Viết các số 8 , 3, 5, 6, 10 theo thứ tự từ *lớn đến bé*:

.....

Bài 3: Khoanh vào số bé nhất:

5; 4; 7; 2; 9

Bài 4: Các số bé hơn 7 là:

.....

Bài 5:

>
<
=

?

$4 + 1 \square 1 + 4$

$2 + 2 \square 5 + 0$

$5 + 0 \square 1 + 3$

$2 + 3 \square 5$

Bài 6: Tính:

$2 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$

$2 + 0 + 2 = \dots\dots\dots$

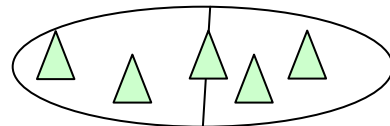
Bài 7: Hình vẽ bên có:

..... hình tam giác



Bài 8: Viết phép tính thích hợp:

--	--	--	--	--



ĐỀ 60

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Toán – Lớp 1
Thời gian : 40 phút

1/ Tính:

$$\begin{array}{r}
 2 + 3 = \dots\dots\dots \\
 1 \quad + \quad 3 \quad + \quad 1 = \dots\dots\dots
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots \\
 3 \qquad \qquad \qquad = \dots\dots\dots
 \end{array}$$

2/ Tính:

$$\begin{array}{r}
 + 2 \\
 \hline
 2
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 + 4 \\
 \hline
 0
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 + 1 \\
 \hline
 3
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 + 2 \\
 \hline
 3
 \end{array}$$

.....

3/ Số?

	1			4				
--	---	--	--	---	--	--	--	--

10			7				3			
----	--	--	---	--	--	--	---	--	--	--

4/ Số? :

$$\begin{array}{r}
 4 \quad + \quad \square \quad = \quad 4 \\
 1 \quad = \quad \square \quad + \quad 3 \quad = \quad 5
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 \quad \quad \quad 2 \quad + \quad \square \quad = \quad 4 \\
 \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad \quad \square \quad + \quad \quad = \quad \quad
 \end{array}$$

5/

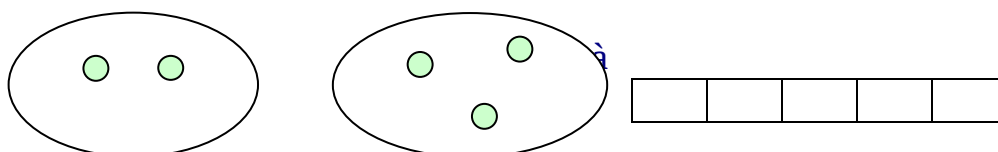
$\begin{array}{c} > \\ < \end{array}$

$2 \quad ? \quad 3 \quad + \quad 2 \quad \dots\dots \quad 4$
 $\quad \quad \quad 2 \quad + \quad 0 \quad \quad \quad 4 \quad \dots\dots \quad 4 \quad + \quad 1$
 $\quad \quad \quad 3 \quad + \quad 1 \quad \dots\dots \quad 5$

6/ Viết các số 3, 7, 8, 4, 6:

- a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:
- b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

7/ Viăút pheíp tênh thêch hăúp:



ĐỀ 61

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1:

>
<
=

$2 + 2$ 0 1 1 5 4
 ?
 7 8 6 9 $1 + 2$ $2 + 1$

Bài 2: Khoanh vào số lớn nhất:

6 ; 3 ; 5 ; 9

Bài 3: Số ?

1		3		5		7	
---	--	---	--	---	--	---	--

Bài 4: Tính:

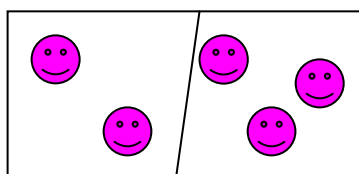
a.

3	2	5	4
+	+	+	+
	1		
_____	_____	_____	_____

b.

$1 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$
 $3 + 2 + 0 = \dots\dots\dots$

Bài 5: Viết phép tính thích hợp



ĐỀ 62

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

*** Bài 1:** Số ?

0			3				7			10
---	-------	-------	---	-------	-------	-------	---	-------	-------	----

*** Bài 2:** > ; < ; = ?

>
<

0 3

6 5

4 1 + 3

8 7

2 2

2 + 3 3

*** Bài 3:** Tính ?

2 + 1 =

3 + 2 =

1 + 4 =

$$\begin{array}{r} 0 \\ + \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

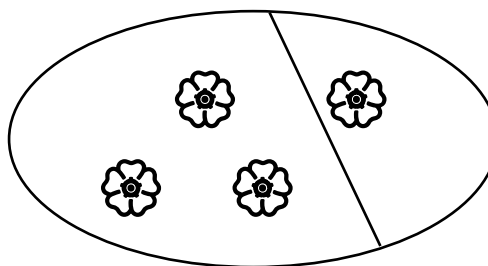
.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

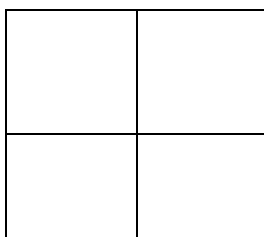
.....

*** Bài 4:** Viết phép tính thích hợp

--	--	--	--	--



*** Bài 5:** Hình vẽ bên có hình vuông



***Bài 6: Số?**

$$\square + 1 = 2 \quad 3 + \square = 3$$

$$4 + \square = 5 \quad \square + 5 = 5$$

ĐỀ 63

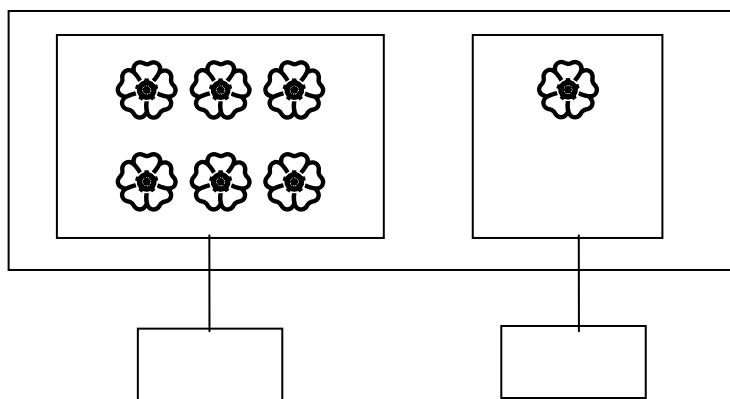
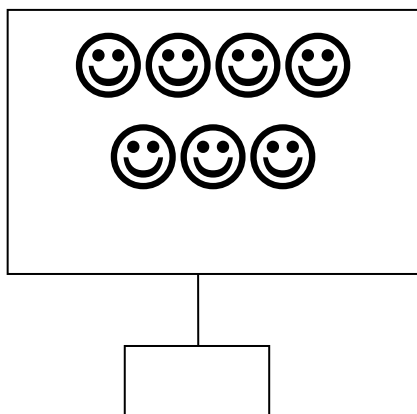
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

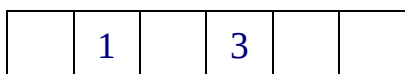
Thời gian : 40 phút

Bài 1: Số

a.



b.



Bài 2: Tính

a.

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

b.

$$1 + 2 = \dots\dots\dots$$

;

$$2 + 1 = \dots\dots\dots$$

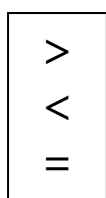
$$3 + 0 + 2 = \dots\dots\dots$$

;

$$1 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$$

Bài 3:

a. (1 điểm)



? $2 + 1 \dots\dots 3$; $4 + 0 \dots\dots 5$

b. Số?

< 3

> 8

Bài 4:

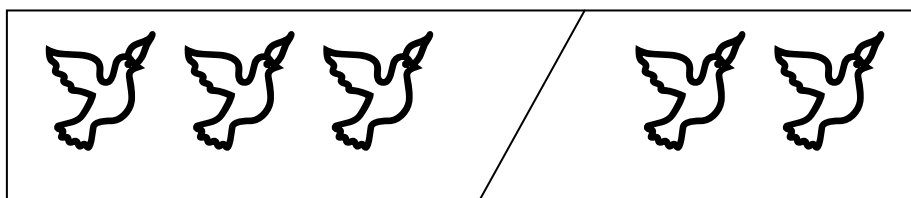
a. Viết các số 0,5,2,6,10 theo thứ tự từ bé đến lớn:

	→		→		→		→	
----------------------	---	----------------------	---	----------------------	---	----------------------	---	----------------------

b. Viết các số 8,4,2,6,10 theo thứ tự từ lớn đến bé
8; 4; 2; 6; 10

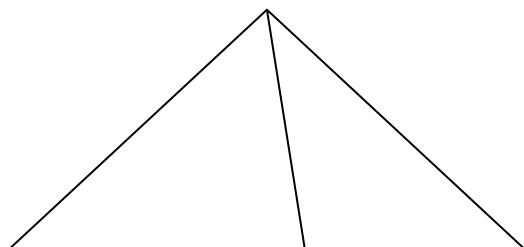
	→		→		→		→	
----------------------	---	----------------------	---	----------------------	---	----------------------	---	----------------------

Bài 5: Viết phép tính thích hợp



----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

Bài 6: Hình dưới có mấy hình tam giác



Có.....hình tam giác

ĐỀ 64

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1: Nối theo mẫu:

3 4 5 6 7 8

Bài 2: Xếp các số 1, 5, 9, 3, 7 theo thứ tự từ bé đến lớn :

Bài 3. Tính :

a) $2 + 2 = \dots\dots\dots$ $3 + 2 = \dots\dots\dots$ $3 + 0 = \dots\dots\dots$ $3 + 1 = \dots\dots\dots$

b)

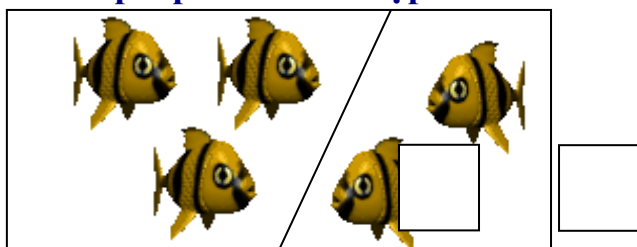
$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 3 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 4 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 2 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 0 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$
--	--	--	--

c) $2 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$ $2 + 3 + 0 = \dots\dots\dots$

Bài 4:

>	?	$3 + 2$	$\dots\dots\dots$	5		$0 + 3$	$\dots\dots\dots$	$2 + 1$
<								
=								
		$1 + 3$	$\dots\dots\dots$	5		$1 + 2$	$\dots\dots\dots$	$3 + 1$

Bài 5: Viết phép tính thích hợp :



--	--	--	--	--

Bài 6: Số?

$3 + 2 = \quad \quad \quad +$

ĐỀ 65

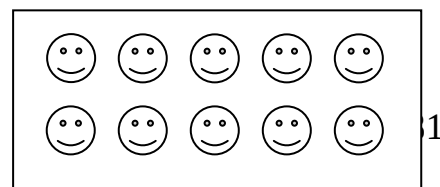
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán – Lớp 1

Thời gian : 40 phút

Bài 1:

a. Số ?



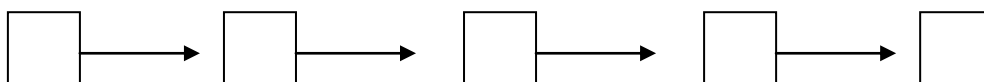


b.

$>$ $<$ $=$	?	4 3	8 8
		5 7	$6 + 0$ $0 + 5$

Bài 2: Viết các số 8, 5, 2, 7, 10:

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:



b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:

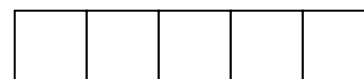
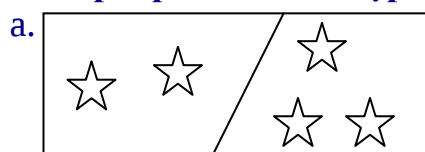


Bài 3: Tính :

a/ $\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$
.....			

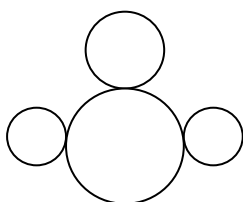
b/ $1 + 3 + 1 = \dots\dots\dots$; $2 + 1 + 0 = \dots\dots\dots$; $2 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$; $2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp:



Bài 5: Hình?

a. Có hình tròn
giác



b. Có hình tam

